

WEEK 7 - ENGLISH 9
UNIT 3: A TRIP TO THE COUNTRYSIDE.
Period 13: Listen and read – Speak part a

***Vocabulary**

1. plow (A.E) = plough (B.E)	V/n	Cày, xới
2. home village	n	Quê nhà
3. harvest	V/n	Gặt hái, thu hoạch, vụ thu hoạch
4. crop	N	Vụ mùa, mùa màng
5. join (in) = take part in = participate in	V	Gia nhập, tham gia
6. lie – lay – lain	V	Nằm, ở vị trí
7. rest	N/v	Sự nghỉ ngơi, nghỉ ngơi
→ take a rest = have a rest	V	Nghỉ, nghỉ ngơi
8. the foot of the mountain	n	Chân núi
9. by = beside = next to	pre	Bên cạnh, kế cạnh
10. to the East of		Về phía Đông
11. to the West of		Về phía Tây
12. to the South of		Về phía Nam
13. to the North of		Về phía Bắc
14. In the South East		Nằm ở phía Đông Nam
15. journey	N/v	Đi du lịch, Chuyến đi, cuộc hành trình
16. have the chance + to V... = have the opportunity + to V...	v	Có cơ hội làm gì...
17. banyan tree	N	Cây đa
18. bamboo forest	n	Rừng tre
19. reach = arrive in/at	v	Đến (sau “reach” không đi với giới từ)
20. cross	v	Băng qua
21. enter	v	Đi vào
→ at the entrance (to)	adv	ở lối vào (đến)
22. snack	N	Bữa ăn nhẹ
23. shrine	N	Đền thờ, miếu thờ, điện thờ
→ the shrine of a Vietnamese hero	n	Miếu thờ vị anh hùng
24. hero(es) → heroine	N	Anh hùng (nam) Nữ anh hùng
25. enjoy	v	Thích, thưởng thức
→ enjoyable	adj	Thú vị
→ enjoyably	adv	1 cách thú vị
→ enjoyment	N	Sự thích thú

26. river bank	n	Bờ sông, nhánh sông
27. reply/ replied (to) = respond (to)	v	Đáp lại

GRAMMAR:

*Unreal wish

S + wish + S + **were** / **V2** / **V_ed** ...
didn't V (bare inf.) ...
could / would.....

* Adverbial clauses of result: (Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả)

Because + S₁ + V₁ ..., S₂ + V₂...
→ S₁ + V₁ ..., **so** S₂ + V₂...

*Simple past tense (Review)

*EXERSISE:

REWRITE:

1. I speak English badly.

→ I wish

2. I can't go to the meeting.

→ I wish

3. It's a pity you are not free now.

→ I wish

4. What a pity! I don't finish my work.

→ I wish

5. Lan isn't here.

→ I wish

6. Many people love him because he's very friendly and generous.

→ He's very friendly and generous, _____

7. Yesterday she didn't go to work because she was seriously ill.

→ Yesterday she was _____

8. Tuan always gets poor marks because he is very lazy.

→ Tuan is _____

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
AV9_TUAN 3_P6 LANGUAGE FOCUS (Unit 1)	
<u>1. Simple past tense</u>	- HỌC SINH XEM TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
<u>2. Unreal wish</u>	- TRA NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ KHÔNG BIẾT BẰNG TỪ ĐIỀN
<u>3. Adverbial clauses of result</u>	- HỌC THUỘC LÒNG CÔNG THỨC THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VÀ UNREAL WISH, VÀ ADVERBIAL CLAUSES OF RESULT. ĐỌC NHIỀU LẦN CHO THUỘC VÀ LÀM BÀI TẬP
EXERCISES	- VIẾT LẠI CÂU VỚI “WISH” - ÁP DỤNG CÔNG THỨC VÀ XEM LẠI VÍ DỤ ĐỂ BIẾT CÁCH LÀM - DỊCH NGHĨA CÁC CÂU TRƯỚC KHI LÀM VÀ CHÚ Ý CHIA ĐỘNG TỪ CHO ĐÚNG CÔNG THỨC, NGỮ PHÁP - BECAUSE → SO

CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI CỦA HỌC SINH KHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP.

Trường: _____

Lớp: _____

Họ tên học sinh: _____

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
---------	------------------	----------------------

Tiếng Anh

1.

2.

3.

-
-
-
-
-
-